15ページの記入方法　Cách điền trang 15

Lump-sum Withdrawal Payment Claim Form
(National Pension / Employee's Pension Insurance)
脱退一時金請求書(国民年金／厚生年金保険)

Official use only
受付番号　（日本年金機構記入欄）

※Please fill in legible capital letters. Please fill in only the bold box.
※記入は判読可能なアルファベット大文字でお願いします。太枠内のみ記入してください。

1. Date of entry 記入日

Year年／ 2025　Month月／ 4　Day日 2

2. Signature (required) 署名(必ず記入してください。)
I understand that my total enrolment period is less than 120 months (10 years), including the period during which I was enrolled in the pension system of a country that has a pension totalization agreement with Japan and the period eligible for totalization. I acknowledge that receiving the Lump-sum Withdrawal Payment will nullify all enrollment periods in the Japanese Pension System before making this claim.
私は日本と年金通算の協定を締結している相手国の年金制度に加入していた期間や合算対象期間を含めても受給資格期間が120月(10年)未満であり、脱退一時金の支給を受けることで、請求する以前の日本の年金に加入していた期間がすべてなくなることを理解した上で請求します。

1 Signature of the claimant 請求者本人の署名(サイン)　JOHN SMITH

3.Permanent residence permission (date of permission) 永住許可の有無(許可日)
Please answer whether you have permission to permanent residence or not. If you have permanent residence permission, please also enter the date of obtaining the permanent residence permission(※).
※Please note that this is not the expiration date of your residence card.
永住許可の有無について回答してください。また、永住許可を受けている場合は、永住許可日(※)も併せて記入してください。
※在留カードの有効期限ではありませんのでご注意ください。

2 ☐ No いいえ　☑ Yes はい　Permanent residence permission date 永住許可日 (Year 年 2022　Month 月 7　Day 日 20)

4. Claimant's (your) full name, date of birth and address after leaving Japan 請求者氏名、生年月日及び離日後の住所

Full name 氏名	JOHN SMITH											
Date of birth 生年月日	2	0	0	0 Year 年	1	2 Month 月	0	8 Day 日	Nationality 国籍	U.S.A.		

3

Address after leaving Japan 離日後の住所	
House number, street, apartment number, etc. 番地、通り、部屋番号、その他	5522 N SAMPLEMAIN ST. APT2031
City 都市	LOS ANGELES
State/Province 州/省	CA
Postcode 郵便番号	90012
Country 国	U.S.A.

Be sure to fill in the next page as well.
次頁も必ず記入してください。

15ページの記入上の注意 Lưu ý khi điền trang 15

1
「2. 署名(必ず記入してください)」に記載された外国人脱退一時金請求の注意事項を確認した上で、署名してください。

Sau khi xác nhận các điểm cần chú ý về việc yêu cầu nhận tiền trợ cấp lương hưu trọn gói khi về nước dành cho người nước ngoài được ghi trong mục "2. Chữ ký (Bắt buộc phải điền)", hãy ký tên.

2
「3. 永住許可の有無(許可日)」は、永住許可を受けていない場合は「No いいえ」、永住許可を受けている場合は「Yes はい」にチェックしてください。
また、「Yes はい」にチェックした場合は、永住許可日を記入してください。
なお、在留カードの有効期限ではありませんので、書き間違えのないよう注意してください。

Ở mục "3. Tình trạng có vĩnh trú hay không (Ngày được cấp phép)", nếu bạn chưa nhận được giấy phép vĩnh trú thì chọn mục "No Không", nếu đã nhận thì chọn mục "Yes Có ".
Ngoài ra, nếu chọn mục "Yes Có " thì hãy ghi ngày cấp giấy phép vĩnh trú.
Xin lưu ý vì đây không phải là thời hạn hiệu lực của thẻ cư trú, vì vậy hãy cẩn thận để không viết nhầm.

3
「離日後の住所」は、居住国内の郵便物が必ず届く場所を記入してください。
また、「番地、通り、部屋番号、その他」、「都市」、「州/省」、「郵便番号」、「国」に分けて記入してください。
なお、「州/省」がない地域にお住まいの方は「州/省」の記入は不要です。

Hãy điền nơi bạn chắc chắn sẽ nhận được thư từ trong nước nơi bạn cư trú vào mục "Địa chỉ sau khi rời khỏi Nhật Bản".
Ngoài ra, hãy điền tách biệt các mục "Số nhà, đường, số phòng, thông tin khác", "Thành phố", "Bang/Tỉnh", "Mã bưu điện", "Quốc gia".
Trường hợp bạn sống ở vùng không có "Bang/Tỉnh" thì không cần điền mục này.

16ページの記入方法　Cách điền trang 16

5. Bank account for the transfer of the Lump-sum Withdrawal Payment 脱退一時金受取口座

Official use only 日本年金機構記入欄	1	3	金融機関コード					支店コード				預金種別	1

④

SWIFT(BIC) code(11digits) SWIFT (BIC) コード(11桁)	A	B	C	D	U	S	3	M	X	X	X

⑤

Bank name 銀行名	PENSION BANK
Branch name 支店名	SEATTLE BRANCH
Branch address (or bank address if there is no branch) 支店の所在地 (支店がない場合は本店の所在地)	1234 FLOWER ST. , SEATTLE , WASHINGTON , U.S.A.
In the column on the right, enter the "City" and "Country" where the above-mentioned bank/branch is located. 上記の所在地のうち、「都市」、「国」を右欄に記入してください。	City 都市 SEATTLE Country 国 U.S.A. ◆
Account number / IBAN code 口座番号 / IBANコード	XXXXXXXXX
An account whose account holder is the claimant himself/herself 請求者本人の口座名義	In Roman letters ローマ字 JOHN SMITH In Katakana letters (to be entered only when a domestic branch is specified) カタカナ(日本国内の支店を指定した際のみ記載)

6. Items mentioned in the Basic Pension Number Notice or Pension Handbook 基礎年金番号通知書または年金手帳等の記載事項

⑥

Basic Pension Number 基礎年金番号	X	X	X	X	–	X	X	X	X	X	X
Symbol Number of each pension system 各制度の記号番号	X	X	X	X	–	X	X	X	X	X	X

Official use only (日本年金機構 記入欄)	日本年金機構 決定印	日本年金機構 受付印

加入制度: 厚年 / 船員 / 国年 / 国共 / 地共 / 私学

チェック1 チェック2 チェック3 チェック4

(送金先国)(課税△/非0)(本人請求△/他2)(日独非対象者△/対象者01)

(入力回付年月日)

Be sure to fill in the next page as well.
次頁も必ず記入してください。

16ページの記入上の注意 Lưu ý khi điền trang 16

④

「5. 脱退一時金受取口座」にSWIFT(BIC)コード※の記入がない場合、送金ができませんので必ずSWIFT(BIC)コードを記入してください。
「SWIFT(BIC)コード」は、左側から必ず11桁で記入してください。(SWIFT(BIC)コードが8桁の場合は、末尾3桁を「XXX」としてください。)
なお、受取口座に日本国内の支店を指定する場合は、SWIFT(BIC)コードの記入は不要です。(ゆうちょ銀行は登録できません。)
※SWIFT(BIC)コードとは、11桁(又は8桁)の英数字で構成された金融機関識別用コードです。
※SWIFT(BIC)コードは、受取口座の金融機関に直接ご確認いただくか、SWIFTホームページで確認できます。

Trong mục "5. Tài khoản nhận tiền trợ cấp bảo hiểm lương hưu trọn gói khi về nước ", nếu không điền mã SWIFT (BIC) ※ sẽ không thực hiện chuyển tiền được. Xin bạn vui lòng điền mã SWIFT (BIC).
"Mã SWIFT (BIC)" bắt buộc phải điền đủ 11 ký tự tính từ bên trái. (trường hợp mã SWIFT (BIC) có 8 ký tự, vui lòng thêm "XXX" vào 3 ký tự cuối cùng).
Ngoài ra, nếu chỉ định chi nhánh tại Nhật Bản làm tài khoản nhận tiền, bạn không cần điền mã SWIFT (BIC). (Không thể đăng ký ngân hàng yucho).
※Mã SWIFT (BIC) là mã nhận dạng của ngân hàng, gồm 8 hoặc 11 ký tự chữ và số.
※Bạn có thể xác minh mã SWIFT (BIC) trực tiếp với tổ chức tài chính của tài khoản nhận tiền hoặc kiểm tra trên trang web về SWIFT.

⑤

記入した「銀行名」、「支店名」、「口座番号／IBANコード」及び「請求者本人の口座名義」と添付書類を必ず照合し、一致していることを確認してください。
欧州・中東地域にお住みの方は、原則として「口座番号/IBANコード」にはIBANコードを記入してください。(受取口座に日本国内の支店を指定する場合を除きます。)
また、「支店の所在地」については、受取口座の金融機関の所在地をご記入の上、「都市」、「国」を別途記入してください。なお、受取口座に日本国内の支店を指定する場合は、記入不要です。

Hãy chắc chắn đối chiếu và xác nhận tính thống nhất giữa các thông tin đã điền gồm "Tên ngân hàng", "Tên chi nhánh", "Số tài khoản / mã IBAN", "Tên tài khoản chính chủ của người yêu cầu" với giấy tờ đính kèm. Ngoài ra, những người đang sinh sống tại khu vực châu Âu, Trung Đông về nguyên tắc phải điền mã IBAN vào mục "Số tài khoản / mã IBAN". (Ngoại trừ trường hợp chỉ định chi nhánh tại Nhật Bản làm tài khoản nhận tiền).
Đối với mục "Địa chỉ chi nhánh", vui lòng điền địa chỉ của tổ chức tài chính nơi mở tài khoản nhận tiền, đồng thời điền riêng mục "Thành phố" và "Quốc gia". Lưu ý, nếu chỉ định chi nhánh tại Nhật Bản làm tài khoản nhận tiền, bạn không cần điền mục này.

⑥

基礎年金番号欄には基礎年金番号通知書または年金手帳等に記載されている基礎年金番号を必ず記入してください。
各制度の記号番号欄には、基礎年金番号と異なる記号番号の年金手帳等をお持ちの場合は、その記号番号を記入してください。

Ở mục số bảo hiểm lương hưu cơ bản, hãy điền số bảo hiểm ghi trên giấy thông báo số bảo hiểm hoặc sổ lương hưu.
Ở mục số hiệu các chế độ, nếu bạn có sổ hưu trí với số hiệu khác với số bảo hiểm lương hưu cơ bản thì hãy điền số hiệu đó.

17ページの記入方法　Cách điền trang 17

7. Your coverage history (enrollment history in the Japanese public pension systems) 履歴(公的年金制度加入経過)

Please enter the enrollment periods in Japanese public pension systems (Employees' Pension Insurance, National Pension, Seamen's Insurance, and Mutual Aid Association Systems).
公的年金制度(厚生年金保険、国民年金、船員保険、共済組合)加入していた期間を記入してください。
※Please fill in the data in as much detail and accuracy as possible.できるだけくわしく、正確に記入してください。

(1) Name of your employer (shipowner) and if you are ship crew, the name of the ship 事業所(船舶所有者)の名称及び船員であったときはその船舶名	(2) Address of your employer (shipowner) or your address at the time of enrollment in the National Pension 事業所(船舶所有者)の所在地または国民年金加入時の住所	(3) Employment periods or National Pension enrollment periods 勤務期間または国民年金の加入期間	(4) Types of pension plans that you were enrolled in 加入していた年金制度の種類
	3-5-24, Takaido-Nishi, Suginami-Ku, Tokyo 168-8505 JAPAN	Year年/Month月/Day日 From 2022／7／20 から To 2023／3／31 まで	1. National Pension国民年金 2. Employees' Pension Insurance 厚生年金 3. Seamen's Insurance船員保険 4. Mutual Aid Association共済組合
Pension Corporation	2-2-4, Kichijoji-Minami, Musashino-Shi, Tokyo 168-8505 JAPAN	Year年/Month月/Day日 From 2023／4／1 から To 2025／3／31 まで	1. National Pension国民年金 2. Employees' Pension Insurance 厚生年金 3. Seamen's Insurance船員保険 4. Mutual Aid Association共済組合
		Year年/Month月/Day日 From から To まで	1. National Pension国民年金 2. Employees' Pension Insurance 厚生年金 3. Seamen's Insurance船員保険 4. Mutual Aid Association共済組合
		Year年/Month月/Day日 From から To まで	1. National Pension国民年金 2. Employees' Pension Insurance 厚生年金 3. Seamen's Insurance船員保険 4. Mutual Aid Association共済組合

(Note) Please enter only your Japanese address for the period you were enrolled in the National Pension System.
(注)国民年金に加入していた期間は、住んでいた住所のみを記入してください。

We need your supporting documents

Documents to be attached (If the documents ① to ④ are not attached, we will return your Claim, so be sure to attach all required documents.)
添付書類(①～④の書類等が添付されていない場合は、請求書をお返しすることになりますので添付もれのないようお願いします。)

①Copy of your passport (page verifying your name, date of birth, nationality, signature, and status of residence)
パスポート(旅券)の写し(氏名、生年月日、国籍、署名及び在留資格が確認できるページ)

②Documents verifying that you no longer have an address in Japan (copy of resident's card exemption, etc.)
日本国内に住所を有しなくなったことが確認できる書類(住民票の除票の写し等)
◎Suppose you submit a Moving-out Notification at the municipality of your residence before leaving Japan. In that case, we can confirm that you do not have an address in Japan from the deleted information on your resident card, so you do not need to attach this document.
◎出国前にお住まいの市区町村で転出届を提出した場合には、住民票の削除情報から、日本国内に住所を有しないことを確認できますので、本書類の添付は不要です。

③Please attach a document confirming the "Bank name", "Branch name", "Branch location", "Account number", and the fact that the "Account holder is the claimant themselves" (e.g., a certificate issued by the bank).
If you wish to receive the payment at a branch within Japan, the account holder's name must be registered in Katakana.
※Please note that the lump-sum withdrawal payment cannot be received at Japan Post Bank.
「銀行名」、「支店名」、「支店の所在地」、「口座番号」及び「請求者本人の口座名義」であることが確認できる書類を添付してください(銀行が発行した証明書等)。なお、日本国内の支店で受け取る場合は、口座名義がカタカナで登録されていることが必要です。
※ゆうちょ銀行では脱退一時金を受け取ることができません。

④Your National Pension Handbook and other documents verifying your Basic Pension Number
基礎年金番号通知書または年金手帳等の基礎年金番号を明らかにすることができる書類

17ページの記入上の注意 Lưu ý khi điền trang 17

7

勤務していた事業所の名称と事業所の所在地をできるだけ詳しく記入してください。(船員であった場合は、船舶名と船舶所有者の住所を記入してください。)
また、国民年金に加入していた期間については、その当時住んでいた住所のみ記入してください。

Hãy ghi càng chi tiết càng tốt tên và địa chỉ nơi làm việc trước đây. (Nếu từng là thuyền viên, hãy ghi tên tàu và địa chỉ chủ tàu.)
Ngoài ra, đối với thời gian tham gia bảo hiểm quốc dân, bạn chỉ cần ghi địa chỉ cư trú lúc đó.

8

事業所に勤めていた期間や国民年金に加入していた期間をできるだけ詳しく記入してください。
また、それぞれ該当する年金制度の種類に○を付けてください。

Hãy ghi càng chi tiết càng tốt thời gian làm việc tại công ty và thời gian tham gia bảo hiểm quốc dân.
Ngoài ra, hãy đánh dấu "○" vào loại hình chế độ bảo hiểm lương hưu tương ứng.